TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/DS-PT
Ngày: 30 -9- 2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2019/TLPT-DS ngày 24/7/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST, ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện TS bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2019/QĐ-PT ngày 14/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Phụng L, sinh năm 1964, có mặt.

Nơi cư trú: Số 300 NH, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Lâm Th, sinh năm 1970; cư trú: Khóm ĐT8, phường MP, Tp. LX, tỉnh An Giang là đại diện ủy quyền của nguyên đơn, văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980;

2.2. Bà Ngô Thị Hồng D, sinh năm 1975, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H là bà Ngô Thị Hồng D, sinh năm 1975, văn bản ủy quyền ngày 28/8/2019.

Cùng cư trú: ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Đức K – Văn phòng luật sư Nguyễn Đức K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp VT, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng D là bị đơn trong vụ án.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Quyết đinh kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Phụng L do bà Lê Lâm Th đại diện trình bày:

Ngày 06/7/2017 bà L có cho bà D, ông H vay 1.200.000.000 đồng mục đích vay để trả nợ cho Qũy tín dụng NS, sau đó bà D và ông H hứa sẽ vay lại của Ngân hàng BIDV chi nhánh TS trả cho bà L. Trong 1.200.000.000 đồng trên thì bà L có mượn của bà Nguyễn Thị T, nhà ở ấp VT, xã VK, huyện TS 400.000.000 đồng cộng cùng với số tiền của bà có là 800.000.000đ để cho ông H, bà D vay. Việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà bà L, khi nhận tiền ông H, bà D có viết biên nhận nợ bà L với số tiền là 1.200.000.000 đồng. Sau khi ông H, bà D nhận tiền thì bà L cùng với bà T, ông H, bà D đi đến Qũy tín dụng NS để giám sát việc trả tiền, khi chuẩn bị đi do sơ ý nên bà T lấy biên nhận nợ mà ông H, bà D viết bỏ vào túi, bà L nghĩ ai giữ cũng được nên không lấy lại. Đến ngày 07/7/2017, khoảng 15 giờ thì bà D, ông H nhận tiền do Ngân hàng BIDV chi nhánh TS giải ngân cho vay, sau đó bà D lên xe bà T chở đi mà không trả tiền cho bà L, nên bà L đuổi theo xe bà D, bà T đến xã VK để lấy tiền nhưng không được. Sau đó bà L trình báo Công an huyện TSvề việc bà D, bà T cấu kết nhau để chiếm đoạt tiền của bà L.

Tại công an huyện TS bà D thừa nhận có vay của bà L 1.200.000.000 đồng đúng như bà L trình bày, nhưng bà D khai là đã đưa toàn bộ tiền đã vay trả cho bà T và bà T xé biên nhận nợ nên xem như trả xong.

Trước đây bà L xác định bà D, ông H là người vay và trực tiếp nhận tiền 1.200.000.000 đồng của bà L, đến nay chưa trả nên yêu cầu ông H, bà D có nghĩa vụ trả lại 1.200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo qui định từ ngày nhận tiền đến khi kết thúc vụ kiện.

Nay xác định trong số tiền 1.200.000.000đ bà L trực tiếp giao cho bà D, ông H 800.000.000đ. Còn 400.000.000đ bà L vay của bà T thì bà T vẫn giữ không đưa cho bà L, nhưng bà L có làm biên nhận với bà T, sau đó bà T cùng với bà D đến Quỹ tín dụng NS để tất toán nợ của bà D và ông H. Khi đưa tiền cho bà D vay bà L không có nói với bà D là khi nào trả tiền cho bà L thì đưa tiền cho bà T nhận dùm để trả cho bà L.

Sau khi vay lại được tiền thì bà D cùng với bà T mang tiền này đi luôn không

trả lại cho bà L 800.000.000đ. Khi sự việc xảy ra bà L đã có đơn tố giác đến công an về hành vi của bà T và bà D không trả lại bà L 800.000.000đ. Nhưng Công an không giải quyết mới hướng dẫn bà L khởi kiện dân sự. Cuối cùng bà L đã thống nhất khởi kiện bà D và ông H bằng vụ án dân sự.

Yêu cầu tòa án buộc ông H bà D phải trả cho bà L 800.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày bà D nhận tiền ngày 06/7/2017. Riêng 400.000.000đ bà L vay của bà T để cộng cùng với số tiền của bà cho bà D và ông H vay, do bà T không thừa nhận bất cứ mối quan hệ nào với bà L thì khi nào bà T tranh chấp với bà L thì giải quyết bằng vụ án khác giữa bà T với bà L.

Theo tờ tự khai, các lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thừa nhận ngày 06/7/2017 ông H và bà D có vay của bà L 1.200.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ và ký tên vào biên nhận vay tiền, khi làm biên nhận vay tiền thì bà Nguyễn Thị T là người quen của bà L giữ biên nhận nợ. Mục đích vay tiền của bà L để trả nợ vay của Qũy tín dụng NS, sau đó sẽ vay lại của Ngân hàng BIDV chi nhánh TS, khi được giải ngân sẽ trả lại tiền cho bà L vốn 1.200.000.000đ và tính toán lãi. Sau khi được Ngân hàng BIDV chi nhánh TS giải ngân cho vay thì bà D lên xe bà T chở, sau đó bà D đã đưa tiền trả cho bà T 1.200.000.000 đồng, do bà T là người giữ biên nhận nợ và bà T đã xé bỏ biên nhận. Nay bà L yêu cầu trả số tiền 1.200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi thì không đồng ý vì đã trả xong, còn chuyện bà T với bà L tính toán tiền bạc như thế nào thì ông H, bà D không biết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng bà T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 cuả công an huyện TS bà T trình bày: Bà không nhớ ai tên D và cũng không biết người này, còn bà L thì chỉ biết do cán bộ tín dụng giới thiệu và bà cũng không chiếm đoạt số tiền nào của bà L hay nhận tiền của người nào khác.

Ngày 31/10/2018 ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng D có đơn yêu cầu giải quyết hình sự đối với bà Nguyễn Thị T vì cho rằng bà T có hành vi chiếm đoạt tiền mà bà D đã đưa để trả cho bà L. Tại Công văn số 42/CVTL ngày 23/01/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TSxác định việc vay tiền giữa các đương sự có tính chất dân sự.

Tại công văn ngày 21/5/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐTvà phát triển Việt Nam và công văn ngày 17/7/2018 của Công an huyện TS trả lời không lưu giữ hay thu thập được đoạn video ghi lại cảnh vay tiền tại ngân hàng BIDV.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST, ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện TS:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Phụng L.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng D phải trả cho Bà Phạm Thị Phụng L số tiền vốn 800.000.000đ và tiền lãi 153.272.000đ, tổng số tiền phải trả là 953.272.000đ *(Chín trăm năm mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng).*

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đòi 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) của Bà Phạm Thị Phụng L.

Bà Phạm Thị Phụng L được quyền khởi kiện lại đối với phần đình chỉ khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và Ngô Thị Hồng D phải chịu 40.598.160đ.

Bà Phạm Thị Phụng L được nhận lại 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000991 ngày 08/03/2018 và 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001080 ngày 17/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2019 ông H, bà D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 01/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST, ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện TS theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS.

Phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận:

Bà T được bà L ủy quyền trong suốt quá trình vay từ khi bị đơn đi tất toán nợ với Quỹ tín dụng Hoàng Vĩnh đến khi vay và nhận tiền tại Ngân hàng ĐTđều có sự tham gia của bà T. Biên nhận nợ là văn bản pháp lý thể hiện quyền của nguyên đơn đối với bị đơn, tuy bị đơn thừa nhận nợ, nhưng trong hồ sơ không có biên nhận thể hiện bị đơn nợ bà L 1,2 tỷ đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn và bà T cấu kết với nhau, nhưng bị đơn lại cho rằng nguyên đơn và bà T cấu kết với nhau, nguyên đơn và bà T có lợi ích chung cùng một phía.

Về việc bị đơn cho rằng đã thanh toán nợ cho nguyên đơn là có căn cứ, vì nguyên đơn thừa nhận thấy bà T cầm hai bọc tiền để vào trong cốp xe, bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn là có thật. Bà T là người của bà L đi theo bị đơn để giám sát, nếu nguyên đơn không giao biên nhận nợ cho bà T thì tại sao bà T lại có biên nhận nợ của bị đơn. Nguyên đơn có lỗi khi giao biên nhận cho bà T để bà T sử dụng, nên mọi thiệt hại nguyên đơn phải gánh chịu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các lời khai ban đầu ngày 07/7/2017 của nguyên đơn vì mới xảy ra sự việc thì

lời khai chưa được sắp xếp, ban đầu nguyên đơn khai bị bà T chiếm đoạt tiền chứ không liên quan gì đến bị đơn và không có việc bà T cấu kết với bị đơn. Nguyên đơn cho rằng bị đơn ký biên nhận nợ 1,2 tỷ đồng, biên nhận nợ đã thanh toán xong không còn tồn tại nên không phải là căn cứ để nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 800.000.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không tranh luận.

Nguyên đơn tranh luận:

Mặc dù hiện nay biên nhận nợ không còn nhưng bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 1,2 tỷ đồng. Lý do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 800.000.000đồng vì trong 1,2 tỷ đồng có 400.000.000đồng nguyên đơn mượn của bà T, nếu sau này bà T có khởi kiện thì nguyên đơn sẽ khởi kiện bị đơn yêu cầu trả thêm 400.000.000đồng.

Lý do có bà T đi theo bị đơn đến Quỹ tín dụng vì trong 1,2 tỷ đồng có 400.000.000đồng của bà T. Bà T và bị đơn cùng đi đến Ngân hàng ĐTvà cùng về chung còn nguyên đơn đến muộn, bị đơn cũng thừa nhận không trả tiền trực tiếp cho nguyên đơn. Tại phiên tòa bà D khai không thấy nguyên đơn giao giấy nợ cho bà T, nhưng bà D lại tự ý đưa tiền cho bà T, khi chưa có ý kiến của nguyên đơn.

Có lúc bà D khai đưa tiền cho bà T trước rồi gọi điện cho nguyên đơn sau, có lúc lại khai gọi điện cho nguyên đơn trước mới đưa tiền cho bà T sau. Có lúc bà D khai bà T xé biên nhận lại có lúc khai tự xé biên nhận nợ. Người vay tiền phải trả trực tiếp cho người cho vay, bị đơn không trả tiền trực tiếp cho nguyên đơn thì phải chịu trách nhiệm trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Bà L và bị đơn đều thừa nhận ngày 06/7/2017 tại nhà bà L bị đơn có vay của bà L 1,2 tỷ đồng, bị đơn có viết biên nhận vay tiền để trả cho Quỹ tín dụng NS, sau đó bị đơn làm hồ sơ vay tại Ngân hàng TMCP ĐTvà Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch huyện TS.

Tại biên bản ghi lời khai vào ngày 07/7/2017 của Công an huyện TS, bà L khai bị đơn viết biên nhận vay của bà L 1,2 tỷ đồng, bà L chỉ đưa cho ông H, bà D 800.000.00đồng còn lại 400.000.000đồng bà T giữ, tờ biên nhận nợ của bị đơn do bà T giữ vì bà L tin tưởng bà T. Bà L, bà T và bị đơn đến Quỹ tín dụng NS trả tiền, tại Quỹ tín dụng bà T mới đưa 400.000.000đồng cho bị đơn. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/7/2017 bà D điện thoại cho bà L biết Ngân hàng đã giải ngân và kêu bà L đến Ngân hàng nhận tiền, lúc này bà T cũng có ở nhà bà L, do bà L có khách nên bà T đi trước lại Ngân hàng, bà L còn khai do tin tưởng nên giao cho bà T đến

Ngân hàng nhận tiền của D, điều này chứng minh bà L đã ủy quyền cho bà T đến Ngân hàng nhận tiền do H, D trả. Bà L khai bà T tự giữ biên nhận và tự ý nhận tiền không được sự đồng ý của bà L là vô lý vì số tiền 1,2 tỷ đồng là rất lớn, bà L phải cẩn thận giữ biên nhận nợ, ngược lại khi thấy bà T giữ biên nhận nợ, bà L không có động thái nào chứng tỏ đồng ý cho bà T giữ biên nhận hay chủ động đòi lại hay ngăn cản và không thông báo cho bị đơn biết.

Mặt khác, khi được bà D thông báo thời gian nhận tiền thì bà L cho bà T biết để bà T đến Ngân hàng nhận tiền của bà D, bà L chỉ đứng đợi bên ngoài Ngân hàng, khi thấy bà T cầm hai bọc tiền bỏ vào cốp xe nhưng bà L không có hành động ngăn cản, đòi lại tiền.

Do bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn thông qua bà T, bà T đã đưa biên nhận cho bà D hủy bỏ nên bị đơn không có nghĩa vụ phải trả số tiền 800.000.000đồng cho nguyên đơn, do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TS là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TS và kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án dân sự của Tòa án nhân dân huyện TS, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị:

Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS và kháng cáo của bị đơn là trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS và kháng cáo của bị đơn:

Về hợp đồng vay tài sản: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 06/7/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1,2 tỷ đồng để trả cho Quỹ tín dụng nhân dân NS, bị đơn đã nhận đủ của nguyên đơn 1,2 tỷ đồng, sau đó bị đơn sẽ vay lại của Ngân hàng ĐT 1,2 tỷ đồng để trả cho nguyên đơn, bị đơn có làm biên nhận nợ 1,2 tỷ đồng cho nguyên đơn. Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được biên nhận vay tài sản của bị đơn với nguyên đơn, nhưng các đương sự đều thừa nhận có giao dịch vay tài sản. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là thực tế có xảy ra, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ thanh toán số tiền 1,2 tỷ đồng, thì nguyên đơn cho rằng trong 1,2 tỷ đồng có vay của bà T 400.000.000đồng, tiền của nguyên đơn là 800.000.000đồng, bị đơn chưa thanh toán 800.000.000đồng cho nguyên đơn, không đưa biên nhận nợ cho bà T giữ mà do bà T tự ý lấy, cũng không ủy quyền

cho bà T đến Ngân hàng nhận tiền của bị đơn thay nguyên đơn, nên yêu cầu bị đơn phải trả 800.000.000đồng.

Còn bị đơn thì cho rằng đã thanh toán nợ cho nguyên đơn xong vào ngày 07/7/2017 sau khi nhận tiền vay của Ngân hàng ĐT thông qua bà T, bà L có giao quyền cho bà T để cùng đi đến Quỹ tín dụng giám sát việc trả tiền và nhận tiền của Ngân hàng. Tại phiên tòa và tại biên bản ghi lời khai ngày 07/12/2018 (BL 97) bị đơn khai lúc ở Ngân hàng thì khi đưa tiền cho bà T có điện thoại cho bà L nói "Nhận tiền rồi và bà T có giấy nhận nợ", bà L nói "rồi, rồi", bà D cho rằng bà L nói "rồi, rồi" có nghĩa là bà L đồng ý để bà D đưa tiền cho bà T. Sau khi đưa tiền cho bà T thì bà T đã đưa biên nhận nợ cho bà D, bà D đã xé bỏ biên nhận, việc bà T cùng bị đơn đi đến Ngân hàng để nhận 1,2 tỷ đồng là có sự đồng ý của nguyên đơn nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2017 (BL 19) tại Công an huyện TS bà L có khai: "Bà T cầm tờ biên nhận mà bà D viết với tôi, do tin tưởng nên tôi để bà T giữ … do tin tưởng nên giao cho bà T đến Ngân hàng nhận tiền của bà D, dự tính sau đó về nhà tôi tính lại". Căn cứ vào Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cá nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác xác lập, thực hiện giao dich dân sự, Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định việc ủy quyền nhất thiết phải lập thành văn bản. Bà L không thừa nhận có ủy quyền cho bà T đến Ngân hàng nhận tiền nợ do bị đơn trả, nhưng căn cứ vào lời khai của bà L tại Công an huyện TS nêu trên thì được xem như bà L có ủy quyền cho bà T đến Ngân hàng nhận tiền của bà D. Tuy bà L không trực tiếp đưa biên nhận nợ cho bà T giữ, nhưng khi thấy bà T cầm tờ biên nhận nợ thì lại không có ý kiến hay thông báo cho phía bị đơn biết, chứng tỏ bà L đồng ý cho bà T giữ biên nhận nợ và đi nhận tiền thay, như vậy lời khai của phía bị đơn là có cơ sở.

Mặc dù, căn cứ vào lời khai của bà L thì có việc bà L ủy quyền cho bà T đến Ngân hàng nhận tiền do bà D trả. Tuy nhiên, bà T có lời khai (BL 15, 16, 52) cho rằng không nhớ ai tên D, không nhớ có gặp mặt bà D hay không, không thừa nhận có chiếm đoạt số tiền nào của bà L hay nhận tiền của người nào khác. Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam – chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch TS và Công an huyện TS không cung cấp được thiết bị chứa đoạn video ghi lại hình ảnh việc bà T trả tiền cho bà D, bà D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc có đưa tiền cho bà T. Bà L khai nhìn thấy bà T cầm hai bọc tiền bỏ vào cốp xe cũng không đủ cơ sở xác định trong hai bọc tiền bà T cầm có cả số tiền 800.000.000đồng của bà D trả cho bà L, do đó bà bị đơn cho rằng đã trả tiền cho nguyên đơn thông qua bà T là không có cơ sở.

Như vậy, cho dù nguyên đơn không cung cấp được biên nhận nợ, nhưng bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 1,2 tỷ đồng, mà bị đơn không chứng minh được đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn thông qua bà T do nguyên đơn ủy quyền, hiện nay nguyên đơn cũng chưa nhận được tiền do phía bị đơn trả, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2018 (BL 92) và tại phiên tòa thì bà D có khai trước khi đưa tiền cho bà T có điện thoại cho bà L nói "Nhận tiền rồi và bà T có giấy nhận nợ", bà L nói "rồi, rồi", bà D cho rằng bà L nói "rồi, rồi" có nghĩa là bà L đồng ý để bà D đưa tiền cho bà T. Tuy nhiên đây chỉ là suy nghĩ chủ quan của bà D, không được bà T thừa nhận, nên lời khai của bà D không thuyết phục.

Từ những nhận định trên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000đồng và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là có cơ sở. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, do đó không có cơ sở chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS và kháng cáo của bị đơn cũng như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TS.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận bị đơn phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận Kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng D.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST, ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện TS.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Phụng L.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng D phải trả cho Bà Phạm Thị Phụng L số tiền vốn 800.000.000đ và tiền lãi 153.272.000đ, tổng số tiền phải trả là 953.272.000đ *(Chín trăm năm mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng).*

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đòi 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) của Bà Phạm Thị Phụng L.

Bà Phạm Thị Phụng L được quyền khởi kiện lại đối với phần đình chỉ khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và Ngô Thị Hồng D phải chịu 40.598.160đ.

Bà Phạm Thị Phụng L được nhận lại 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000991 ngày 08/03/2018 và 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001080 ngày 17/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng D mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000280 ngày 25/6/2019 và biên lai thu số 0000279 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Bản án được thông qua tại phòng nghị án).

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND - AG;
- TAND – huyện TS;
- THA – huyện TS;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng